TÒA ÁN NHÂN DÂNHUYỆN ĐẠI TỪ **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 9 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Hài

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Huyền; Ông Lương Minh Côn.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Kao Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện VKSND huyện Đại Từ tham gia phiên tòa: Bà Chu Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 154/2021/TLST - HNGĐ, ngày 17/6/2021 về việc Ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2021/QĐST - HNGĐ, ngày 23/8/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1999 (Có mặt)

Nơi ĐKHKTT: Xóm N, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: Xóm V, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Nguyễn Công T, sinh năm 1983 (Vắng mặt có đơn xin xết xử vắng mặt)

Nơi ĐKHKTT: Xóm N, xã Phú Cường, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện tại: Thôn , xã L huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Tôi kết hôn với anh Nguyễn Công T năm 2018 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn tôi về nhà anh T sinh sống tại Xóm N, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn được khoảng 01 năm thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn gây gổ với nhau vì những bất đồng trong cuộc sống, hiện nay do cuộc sống vợ chồng ngày càng bất hòa, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng từ tháng 4/2020 cho đến nay tôi chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ, nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Tôi và anh T có 01 con chung Nguyễn Hải Y, sinh ngày 27/10/2018, hiện nay con chung đang ở cùng với mẹ đẻ anh T. Khi ly hôn do hoàn cảnh của tôi khó khăn, không có công việc ổn định, không đủ điều kiện để nuôi con

nên tôi đề nghị giao con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, tôi có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T 1.000.000 đ/ 01 tháng đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tải sản: Tôi không có tài sản chung, không có tài sản cho vay và không vay nợ ai.

Lời khai của bị đơn là anh Nguyễn Công T trình bày: Tôi kết hôn với chị Nguyễn Thị T năm 2018 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 01 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không ai quan tâm gì đến nhau, nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, tính cách cô T bướng bỉnh, không lắng nghe và tôi nghe thông tin không hay về cô T các mối quan hệ bên ngoài nên tình cảm vợ chồng ngày càng căng thẳng, mệt mỏi, vợ chồng cũng nhiều lần ngồi lại để nói chuyện nhưng vẫn không có kết quả do không ai chịu lắng nghe. Do vậy tháng 01/2020 tôi đi làm ăn tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai một phần để cải thiện kinh tế trong gia đình, một phần để vợ chồng có khoảng thời gian nhìn nhận lại mối quan hệ tình cảm, tuy nhiên từ đó đến nay vẫn không cải thiện được, thời gian sống ly thân đã lâu, vợ chồng không còn tình cảm gắn bó, nay tôi nhất trí ly hôn.

Về con chung: Tôi và cô T có 01 con chung Nguyễn Hải Y, sinh ngày 27/10/2018, hiện nay con chung đang ở cùng với mẹ đẻ tôi. Khi ly hôn tôi và cô T đã thống nhất trao đổi cô T còn trẻ và có nguyện vọng giao con chung cho tôi trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và cô T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho tôi 1.000.000 đ/ 01 tháng đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, tôi hoàn toàn thống nhất với phương án tôi và cô T đã thỏa thuận.

Về tải sản: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn chị T giao nộp gồm: 01 giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); 01 sổ hộ khẩu gia đình (bản sao); 01 giấy chứng minh nhân dân của chị T (bản sao); 01 giấy khai sinh của con chung (bản sao). Anh T không giao nộp tài liệu, chứng cừ gì.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị giải quyết việc xin ly hôn, về con chung chị xin thay đổi quan điểm chị đề nghị xin được quyền trực tiếp nuôi con vì chị cho rằng hiện nay chị đã xin được việc làm tại Công ty thời gian làm việc từ 7 giờ 30 phút sáng đến 18 giờ 30 phút chiều, thu nhập bình quân từ 6.000.000 đ/01 tháng đến 8.000.000 đ/ 01 tháng, chị đủ điều kiện để nuôi con chung, ngoài ra chị trình bày thêm hiện nay chị đã đón con chung về ở cùng chị tại gia đình nhà mẹ đẻ chị và được mẹ đẻ anh T nhất trí cho đón con chung, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị không đề nghị Tòa án xem xét, về tài sản chị giữ nguyên quan điểm không đề nghị xem xét. Anh T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát nhất trí và không ý kiến gì.

Về nội dung vụ án:

Áp dụng Điều 28, 143, 147, Điều 227 và Điều 228 BLTTDS; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Công T.

+ Về con chung: Giao con chung Nguyễn Hải Y, sinh ngày 27/10/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, không xem xét do chị T không đề nghị gì.

+ Về tài sản, công sức đóng góp: Không xem xét.

+ Về án phí: Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, do anh T xin vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và xin xét xử vắng mặt tại Tòa án vì lý do đường xa, tình hình dịch bệnh, hạn chế đi lại nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, do vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai tại phiên tòa ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra, công bố công khai tại phiên tòa, nghe ý kiến của đương sự, của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về Ly hôn, nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn anh Nguyễn Công T có hộ khẩu thường trú tại xóm N, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Tòa án nhân dân huyện Đại Từ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tại phiên tòa anh Nguyễn Công T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt Tòa án căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Công T kết hôn năm 2018 trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên theo quy định của pháp luật, do đó được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phía chị T cho rằng sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn gây gổ với nhau vì những bất đồng trong cuộc sống vì những bất hòa, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng. Đến tháng 4/2020 cho đến nay chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ từ đó đến nay, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Phía anh T cho rằng sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 01 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, anh cho rằng tính cách chị T bướng bỉnh, không lắng nghe anh và anh cũng nghe thông tin không hay về chị T các mối quan hệ bên ngoài nên tình cảm vợ chồng ngày càng căng thẳng, mệt mỏi, vợ chồng cũng

nhiều lần ngồi lại để nói chuyện nhưng vẫn không có kết quả do chị T không ai chịu lắng nghe. Do vậy tháng 01/2020 anh đi làm ăn tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai một phần để cải thiện kinh tế trong gia đình, một phần để vợ chồng có khoảng thời gian nhìn nhận lại mối quan hệ, tình cảm, tuy nhiên từ đó đến nay vợ chồng vẫn không cải thiện được, thời gian sống ly thân đã lâu, vợ chồng không còn tình cảm gắn bó, nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị Thương và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, anh chị đã sống ly thân không ai quan tâm gì đến và chấm dứt mọi quan hệ, nay cả anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị ly hôn. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng vi phạm nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau…, do đó xét đề nghị xin ly hôn của chị T là có căn cứ cần chấp nhận đề nghị của chị T, cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Công T là phù hợp.

[3]. Về con chung: Quá trình giải quyết chị T và anh T cùng xác định vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Hải Y, sinh ngày 27/10/2018, hiện nay con chung đang ở với mẹ đẻ anh T từ khi vợ chồng sống ly thân. Khi ly hôn chị T và anh T thống nhất đưa ra ý kiến giao con chung cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, chị T nhất trí cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T 1.000.000 đ /01 tháng đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi do chị T cho rằng hiện nay hoàn cảnh kinh tế của chị khó khăn, không có công việc ổn định, không đủ điều kiện để nuôi con. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay chị xin thay đổi ý kiến, chị đề nghị xin được quyền trực tiếp nuôi con, chị không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Lý do chị xin thay đổi là hiện nay chị đã xin được việc làm tại Công ty trên địa bàn huyện Đại Từ thời gian làm việc từ 7 giờ 30 phút sáng đến 18 giờ 30 phút chiều, thu nhập bình quân từ 6.000.000 đ/01 tháng đến 8.000.000 đ/ 01 tháng, chị đủ điều kiện để nuôi con chung, ngoài ra chị trình bày thêm hiện nay chị đã đón con chung về ở cùng chị tại gia đình nhà mẹ đẻ chị và được mẹ đẻ anh T nhất trí cho đón con chung, hơn nữa chị cho rằng cháu Y còn nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi, cháu là nữ nên việc chăm sóc nếu giao cho chị sẽ thuận tiện hơn, anh T hiện nay đang sinh sống trong Miền Nam, không trực tiếp trông nom chăm sóc con chung nếu để con chung cho mẹ đẻ anh T chăm sóc sẽ gặp khó khăn vì hiện nay mẹ đẻ anh T đang nuôi 01 con chung của anh T do anh đã ly hôn với vợ trước.

Hội đồng xét xử xét thấy cháu Nguyễn Hải Y hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi (Tính đến ngày xét xử), cháu là nữ việc chăm sóc, giáo dục nếu giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng sẽ thuận tiện và phù hợp hơn, hơn nữa hiện nay chị T đã đón cháu Y về để nuôi dưỡng trực tiếp và ở tại gia đình nhà mẹ đẻ chị, chị cho rằng hiện nay chị làm tại Công ty trên địa bàn huyện Đại Từ thời gian làm việc từ 7 giờ 30 phút sáng đến 18 giờ 30 phút chiều, thu nhập bình quân từ 6.000.000 đ/01 tháng đến 8.000.000 đ/ 01 tháng, chị đủ điều kiện để nuôi con chung, phía anh T hiện nay đang sinh sống trong Miền Nam, không trực tiếp trông nom, chăm sóc con chung nếu để con chung cho mẹ đẻ anh T chăm sóc sẽ gặp khó khăn vì hiện nay mẹ đẻ anh T đang nuôi 01 con chung của anh T do anh đã ly hôn với vợ trước. Do vậy xét đề nghị xin thay đổi

và xin đề nghị được quyền trực tiếp nuôi con của chị T là có căn cứ và phù hợp nên cần giao con chung Nguyễn Hải Y, sinh ngày 27/10/2018 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuôi trừ trường hợp chị T, anh T có thỏa thuận khác hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Về quyền thăm nom con chung anh T có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản: Quá trình giải quyết chị T và anh T cùng không đề nghị Tòa án xem xét nên HĐXX không xem xét.

Về công sức đóng góp trong gia đình: Phía chị T không đề nghị và không ý kiến gì nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định nộp ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28,143, 147, 227 và Điều 228 BLTTDS năm 2015; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, cho chị Thương được ly hôn anh Nguyễn Công T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Hải Y, sinh ngày 27/10/2018 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), trừ trường hợp chị T, anh T có thỏa thuận khác hoặc có sự thay đổi khác.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét.

Về quyền thăm nom con chung: Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản và công sức đóng góp trong gia đình: Không xem xét.

4. Về án phí. Chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước, được trừ 300.000đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003847 ngày 17/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ.

Báo cho chị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- UBND cấp xã;
- Lưu hồ sơ + VP

ĐÀO NGỌC HÀI